

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-ST.

Ngày: 15-9-2023

V/v tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Huy Sơn

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2023/QĐXXST – DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê N, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần S, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/5/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê N trình bày:

Bà và vợ chồng ông Trần S chỉ là bạn bè, quan biết nhau. Năm 1995 vợ chồng ông S đang sinh sống ở ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Hậu Giang có hỏi mượn vàng của bà để trả nợ ngân hàng A, lúc hỏi mượn vàng thì vợ chồng ông S nói là vay tiền ngân hàng lại để trả, còn không vay tiền được thì sẽ giao đất lại cho bà để trả nợ. Bà đưa vàng cho vợ chồng ông S nhận tại Trạm y tế xã P, huyện L, tỉnh Hậu Giang do lúc đó bà là cán bộ của trạm y tế, lúc đưa vàng thì không có làm biên nhận. Vào ngày 30/01/1996 ông S mới viết biên nhận cho bà, biên nhận do ông S viết tại nhà ông S. Sau đó vợ chồng ông S không trả vàng cho bà

mà đi xuống N mua đất cất nhà sinh sống lập nghiệp, bà phát hiện vợ chồng ông S đi xuống N thì bà có đi xuống nhà vợ chồng ông S nhiều lần để đòi tiền, khi đến nhà vợ chồng ông S nhiều lần hứa hẹn trả, sau này thách bà đi thưa kiện nên bà mới đi kiện đòi lại vàng đã cho mượn.

Nay bà Lê N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà chỉ yêu cầu ông Trần S trả cho bà số vàng 03 chỉ vàng 24k, giá trị vàng tương đương với giá bán ra tại địa phương hiện nay, thống nhất giá một chỉ vàng là 5.620.000 đồng. Bà rút lại yêu cầu lãi suất và rút lại yêu cầu đối với bà Phan T là vợ ông S do hiện nay bà T đã chết.

2/ Bị đơn ông Trần S đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến trình bày cũng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

3/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần S trả cho bà Lê N số tiền vàng 03 (ba) chỉ vàng 24k (99 tuổi), quy ra tiền tại thời điểm xét xử bằng giá vàng bán ra tại địa phương, một chỉ 5.620.000 đồng x 03 chỉ = 16.860.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Trần S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[1.2] Theo đơn kiện lập ngày 11/5/2022 bà Lê N có kiện ông Trần S và bà Phan T buộc ông S và bà T cùng trả cho bà số vàng 03 chỉ và lãi suất theo quy định. Tại phiên tòa bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T, chỉ yêu cầu một mình ông S thực hiện nghĩa vụ trả 03 (ba) vàng cho bà với lý do bà T hiện nay đã chết và bà N rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với vợ chồng ông S. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về việc không yêu cầu bà T trả vàng và không yêu cầu lãi suất. Đồng thời, Hội đồng xét xử xác định bà Phan T không còn là bị đơn trong vụ án.

[2] Nguyên đơn bà Lê N yêu cầu bị đơn ông Trần S có trách nhiệm trả số vàng 03 (ba) chỉ vàng 24k, nhận thấy:

[2.1] Bà Lê N cung cấp cho Tòa án biên nhận trình bày do ông Trần S viết tay, cụ thể biên nhận lập ngày 30/01/1996 có nội dung “*Tôi Trần S sinh năm 1959, vợ Phan T sinh năm 1958...có đai sổ vàng bằng 1 cây bảy vàng 24k 99t, lãi suất 5%.tháng 3 đóng lãi 1 lần của cô N P ngày ba mươi tháng giêng năm chín 96 người nhận ký tên S và ghi họ tên Trần S*”. Quá trình tố tụng Tòa án cũng đã thông báo cho bị đơn ông S biết nội dung khởi kiện cũng như công bố tài liệu chứng cứ nhưng phía bị đơn ông S cố tình vắng mặt, không tiếp cận chứng cứ cũng không phản hồi ý kiến khởi kiện của bà N, khi tổng đạt văn bản tố tụng cho ông S đều trình bày vợ ông chết, mượn khi nào ông không biết. Nên căn cứ vào chứng cứ bà N cung cấp mặc dù nội dung biên nhận thể hiện vợ chồng ông S vay của bà N sổ vàng một cây bảy vàng 24k nhưng bà N nói chỉ giao cho ông S sổ vàng 03 (ba) chỉ, chỉ yêu cầu trả lại sổ vàng 03 (ba) chỉ được đánh giá có tính chất thành thật, lời trình bày của bà N phù hợp với biên nhận mà bà N cung cấp, bị đơn không có ý kiến phản đối về chứng cứ nguyên đơn bà N cung cấp. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định ông S có vay 03 (ba) chỉ vàng của bà N trên thực tế. Nên việc nguyên đơn bà N yêu cầu ông S trả sổ vàng 03 (ba) chỉ vàng 24k là có cơ sở theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Việc người dân tự giao dịch bằng vàng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên việc khi buộc trả vàng phải quy ra tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử. Giá 01 chỉ được bán ra tại địa phương hôm nay là 5.620.000 đồng x 03 chỉ vàng = 16.860.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận, số tiền án phí phải chịu là 16.860.000đồng x 5% = 843.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê N về việc yêu cầu bị đơn ông Trần S có trách nhiệm trả lại tài sản.

Buộc ông Trần S có trách nhiệm trả cho bà Lê N số vàng 03 (ba) chỉ vàng 24k, quy ra tiền tại thời điểm xét xử là 16.860.000 đồng (*Mười sáu triệu, tám trăm sáu chục nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê N thì hàng tháng ông Trần S còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê N về việc yêu cầu bà Phan T trả số vàng 03 (ba) chỉ vàng 24k và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu vợ chồng ông Trần S trả lãi suất cho bà theo quy định.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Trần S phải chịu án phí là 843.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Bà Lê N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006562 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng